

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Hà Nội, tháng 08 năm 2015

MỤC LỤC

| NỘI DUNG  | TRANG  |
|---|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC                            | 2      |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 3      |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ                   | 4 - 5  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ   | 6      |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ             | 7      |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ          | 8 - 29 |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

|                        |          |
|------------------------|----------|
| Ông Cái Hồng Thu       | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Mai | Ủy viên  |
| Ông Nguyễn Xuân Tùng   | Ủy viên  |
| Ông Huỳnh Trung Hiếu   | Ủy viên  |
| Ông Trịnh Quang Hải    | Ủy viên  |

**Ban Giám đốc**

|                        |              |
|------------------------|--------------|
| Bà Nguyễn Thị Thúy Mai | Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Xuân Tùng   | Phó Giám đốc |
| Ông Mai Thống Nhất     | Phó Giám đốc |
| Ông Huỳnh Trung Hiếu   | Phó Giám đốc |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Thúy Mai  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Số: 178 /2015/AP - BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Vũ Bình Minh**  
Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0034-2013-148-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

**Đoàn Thu Hằng**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1396-2013-148-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B01a - DN**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                       | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2015               | 01/01/2015               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|  |            |             |                          |                          |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>1.004.437.664.955</b> | <b>961.804.187.444</b>   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>132.406.393.767</b>   | <b>209.541.524.458</b>   |
| 1. Tiền  | 111        |             | 132.406.393.767          | 209.541.524.458          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>586.624.708.502</b>   | <b>488.301.088.988</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng            | 131        | 5           | 583.534.677.387          | 484.516.306.294          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn            | 132        |             | 1.228.261.926            | 1.649.893.443            |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                      | 136        | 6           | 1.861.769.189            | 2.134.889.251            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> | <b>7</b>    | <b>254.746.203.453</b>   | <b>239.009.599.797</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                | 141        |             | 254.746.203.453          | 239.009.599.797          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              | 149        |             | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>30.660.359.233</b>    | <b>24.951.974.201</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151        | 9           | 6.480.666.044            | 1.434.107.864            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                     | 152        |             | 24.081.827.775           | 23.517.866.337           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    | 153        | 12          | 97.865.414               | -                        |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>245.696.848.168</b>   | <b>247.380.163.285</b>   |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>13.623.178.446</b>    | <b>40.572.136.675</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | 10          | 13.623.178.446           | 40.572.136.675           |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 421.169.888.767          | 421.169.888.767          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (407.546.710.321)        | (380.597.752.092)        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 145.593.360              | 145.593.360              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (145.593.360)            | (145.593.360)            |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>208.754.949.220</b>   | <b>191.888.690.230</b>   |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | 8           | 208.754.949.220          | 191.888.690.230          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>23.318.720.502</b>    | <b>14.919.336.380</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | 9           | 21.074.653.655           | 12.675.269.533           |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        |             | 2.244.066.847            | 2.244.066.847            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>1.250.134.513.123</b> | <b>1.209.184.350.729</b> |

